CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẨU VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào
ngày 31 tháng 12 năm 2007

CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL
Thành viên của Horwath International

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2007	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 29

Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con (dưới đây gọi tắt là Tập đoàn) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

1. Các thông tin chung

Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu, tiền thân là Công ty TNHH Điện - điện tử - tin học Sao Bắc Đẩu từ năm 1996, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy đăng ký điều chỉnh khác.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: 208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

  Chi nhánh tại Hà Nội : Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- Văn Phòng Đại Diện Đà Nẵng: 15 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80 tỷ đồng.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Mua bán, lắp đặt, và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học, mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang web.

- Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Thiết kế hệ thống mạng máy vi tính.

- Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình.

2. Thành viên của Hội Đồng Quản Trị

Danh sách các thành viên Hội Đồng Quản Trị vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch	17/12/2007
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch	17/12/2007
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên	
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên	25/5/2007
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	25/5/2007
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên	
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	

3. Thành viên của Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc	17/12/2007
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám Đốc	
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám Đốc	28/12/2007

4. Thành viên của Ban Kiểm Soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm Soát trong năm 2007 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*
Bà Mai Thúy Mai	Trưởng ban
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Hoàng Thị Tú Anh	Thành viên

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất trong năm 2007 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

6. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

7. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 cho Tập đoàn.

8. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám Đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL
Thành viên của Horwath International

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3,
140 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao,
Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT : 84.8.827 50 26
Fax: 84.8.827 50 27
www.horwathdtl.com
dtlco@horwathdtl.com.vn

Số: 08.113/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gởi: **Các thành viên Hội Đồng Quản Trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẨU

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con (dưới đây gọi tắt là Tập đoàn). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, trên cơ sở các hồ sơ chứng từ được Tập đoàn cung cấp, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 4 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TOÁN VIÊN
ĐẶNG XUÂN CẢNH	LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV	Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**106.682.731.809**	**46.092.671.316**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**6.785.435.579**	**2.901.883.131**
1. Tiền	111	5.1	6.785.435.579	2.901.883.131
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	**130**		**53.750.032.976**	**27.254.737.587**
1. Phải thu khách hàng	131		43.943.786.001	23.395.637.923
2. Trả trước cho người bán	132		8.462.373.273	3.859.099.664
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.343.873.702	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**		**39.365.073.506**	**12.616.943.178**
1. Hàng tồn kho	141	5.3	39.365.073.506	12.616.943.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.782.189.748**	**3.319.107.420**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106.894.386	2.329.100
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.854.776	56.081.810
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	6.394.440.586	3.260.696.510

Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**31.503.155.399**	**29.117.086.226**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**19.372.780.422**	**29.041.961.399**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5(a)	7.353.795.188	28.467.818.094
- Nguyên giá	222		12.659.130.995	38.252.754.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.305.335.807)	(9.784.936.063)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.5(b)	11.963.760.511	144.422.930
- Nguyên giá	228		12.501.335.080	324.951.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(537.574.569)	(180.528.660)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	**230**		**55.224.723**	**429.720.375**
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**11.498.420.000**	**75.124.827**
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.6(a)	1.224.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6(b)	10.204.420.000	75.124.827
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.6(c)	70.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Lợi thế thương mại	**260**			
VI. Đầu tư dài hạn khác	**270**		**631.954.977**	
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		631.954.977	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**138.185.887.208**	**75.209.757.542**

Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**87.912.585.996**	**54.933.048.537**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**81.227.400.811**	**45.313.048.537**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7(a)	47.827.358.425	27.341.503.807
2. Phải trả người bán	312		13.088.118.826	8.633.628.688
3. Người mua trả tiền trước	313		15.347.792.335	6.514.708.371
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	2.377.084.110	1.075.676.492
5. Phải trả người lao động	315		1.316.255.299	
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.9	1.270.791.816	1.747.531.179
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	**330**		**6.685.185.185**	**9.620.000.000**
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.7(b)	6.685.185.185	9.500.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			120.000.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**50.158.151.574**	**20.276.709.005**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**50.158.151.574**	**20.277.707.005**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.10(b)	37.563.790.000	18.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.10(a)	7.960.553.900	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.10(a)	349.878.228	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.10(a)	93.419.877	129.288.777
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.10(a)	4.190.509.569	1.798.540.000
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			**(998.000)**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	5.10(a)		(998.000)
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**500**		**115.149.638**	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**138.185.887.208**	**75.209.757.542**

Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		280,51	270,21
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 5 tháng 4 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
HỒ THỊ HỒNG HẠNH	TRẦN ANH TUẤN

Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**216.673.462.361**	**102.902.569.256**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.607.200	2.796.420.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**216.671.855.161**	**100.106.149.144**
4. Giá vốn hàng bán	11		175.408.868.467	77.187.604.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**41.262.986.694**	**22.918.545.025**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		317.238.943	63.743.803
7. Chi phí tài chính	22	6.1	4.655.638.939	2.100.368.260
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*4.218.621.898*	*2.076.574.668*
8. Chi phí bán hàng	24	6.2	15.648.601.806	7.036.197.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.3	15.737.761.116	10.952.847.525
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	**30**		**5.538.223.776**	**2.892.875.357**
11. Thu nhập khác	31	6.4	4.086.174.016	3.131.525.589
12. Chi phí khác	32	6.5	4.039.057.293	2.707.153.407
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**47.116.723**	**424.372.182**
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	**50**			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40-	**60**		**5.585.340.499**	**3.317.247.539**
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.6	1.596.564.511	928.829.311
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	**70**	6.6	**3.988.775.988**	**2.388.418.228**
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			3.983.626.350	2.388.418.228
17.2 Lợi nhuận của cổ đông thiểu số			5.149.638	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			**1.530**	**1.327**

Ngày 5 tháng 4 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
HỒ THỊ HỒNG HẠNH	TRẦN ANH TUẤN

Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**				
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		327.368.680.553	102.844.563.490
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(327.655.942.537)	(116.660.294.751)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.363.234.853)	(7.219.758.185)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(4.218.621.898)	(2.081.055.301)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.195.873.761)	(386.982.419)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.406.082.330	20.890.784.785
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.918.754.356)	(22.763.041.561)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	**20**		**(25.577.664.522)**	**(25.375.783.942)**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(5.090.032.129)	(2.011.343.617)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		6.621.177.454	2.507.682.797
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.428.420.000)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.876.842	26.116.606
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Đầu tư	**30**		**(9.888.397.833)**	**522.455.786**

Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		28.798.475.000	
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7.450.000.000)	
3.	Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		112.639.839.570	62.329.712.114
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(93.218.799.767)	(35.865.501.413)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.419.900.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	**40**		**39.349.614.803**	**26.464.210.701**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**3.883.552.448**	**1.610.882.545**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	5.1	**2.901.883.131**	**1.291.000.586**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	5.1	**6.785.435.579**	**2.901.883.131**

Ngày 5 tháng 4 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
HỒ THỊ HỒNG HẠNH	TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẨU

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Hoạt động chính

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty là cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu, tiền thân là Công ty TNHH Điện - điện tử - tin học Sao Bắc Đẩu từ năm 1996, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 và các giấy đăng ký điều chỉnh khác.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: số 208-210 Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng: 15 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80 tỷ đồng.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Mua bán, lắp đặt, và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học, mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang web.

Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet; Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Thiết kế hệ thống mạng máy vi tính.

Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

a. Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở phương pháp vốn chủ sở hữu.

b. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính được hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu và báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất sau:

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty mẹ (ĐVT: 1.000 đồng)		Tỷ lệ cổ phần do Công ty mẹ nắm giữ (ĐVT: %)	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
CTCP Công nghệ mạng và thông tin Việt	2.940.000	-	98	-
Công ty TNHH tư vấn và đào tạo Netpro	4.950.000	-	99	-

Các báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần giải pháp quản lý tích hợp Sao Bắc Đẩu (SIMS), trong đó tỷ lệ cổ phần do Công ty mẹ nắm giữ là 51% với giá trị đầu tư là 1.224.000.000 đồng, do công ty này mới được thành lập trong năm 2007 và năm tài chính đầu tiên từ ngày 1 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm chi phí và thu nhập của Tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Nếu phần lỗ của Tập đoàn vượt quá khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty TNHH Giải Pháp Kinh Doanh Sao Bắc Đẩu (SBS)

Giá trị đầu tư ghi nhận tại CTCP công nghệ Sao Bắc Đẩu: 980.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn: 49%.

Báo cáo tài chính năm 2007 của SBS chưa được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập.

Các công ty liên kết không hợp nhất:

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại CTCP CN Sao Bắc Đẩu (ĐVT: 1.000 đồng)		Tỷ lệ cổ phần do CTCP CN Sao Bắc Đẩu nắm giữ (ĐVT: %)	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
CTCP Dịch vụ - Dữ liệu công nghệ thông tin Vina (*)	9.000.000	-	30	-
CTCP Skills group (**)	224.420	-	35	-

(*) Chưa có báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

(**) Chưa hoạt động trong năm 2007 do được cấp Giấy đăng ký kinh doanh vào ngày 14 tháng 12 năm 2007.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hách toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tập đoàn chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tập đoàn chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.5. Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 20 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

4.6. Đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Chi phí đi vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.8. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.9. Các khoản phải trả

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Theo điều lệ hoạt động của Công ty.

4.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngy lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Công ty mẹ do việc đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được thực hiện trong năm 2007.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.637.096.204	140.259.030
Tiền gửi ngân hàng	5.896.130.965	2.761.624.101
Tiền đang chuyển	(746.791.590)	-
Tổng cộng	**6.785.435.579**	**2.901.883.131**

5.2. Các khoản phải thu khác

Trong đó, phải thu Cisco Systems International BV, Netherlands về việc dành được phần thưởng danh dự VIP10 do Cisco tổ chức vào ngày 31/07/2007 có số tiền là 1.121.050.000 đồng (tương đương 70.000 USD).

5.3. Hàng tồn kho

Là hàng hóa tồn kho của Tập đoàn

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng công nhân viên	2.916.931.286	580.772.164
Chi phí chờ phân bổ	-	270.763.534
Thế chấp, ký quỹ ngắn hạn	3.477.509.300	2.409.160.812
Tổng cộng	**6.394.440.586**	**3.260.696.510**

5.5. Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2007	**15.208.922.546**	**18.324.325.362**	**4.719.506.249**	-	**38.252.754.157**
Mua sắm mới	467.574.727	2.112.362.759	1.136.363.636	342.929.487	4.059.230.609
Tăng do hợp nhất	-	-	362.572.832	377.268.487	739.841.319
Thanh lý, nhượng bán	-	(12.917.286.520)	(5.855.869.885)	-	(18.773.156.405)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	(11.516.569.200)	(102.969.485)	-	-	(11.619.538.685)
Tại ngày 31/12/2007	**4.159.928.073**	**7.416.432.116**	**362.572.832**	**720.197.974**	**12.659.130.995**
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2007	**152.089.225**	**8.095.064.485**	**1.537.782.353**	-	**9.784.936.063**
Khấu hao trong năm	194.571.440	3.909.578.495	773.879.273	201.889681	5.079.918.889
Tăng do hợp nhất	-	-	10.071.468	157.062.828	167.134.296
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.372.451.138)	(2.251.232.818)	-	(9.623.683.956)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(102.969.485)	-	-	(102.969.485)
Tại ngày 31/12/2007	**346.660.665**	**4.529.222.357**	**70.500.276**	**358.952.509**	**5.305.335.807**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2007	15.056.833.321	10.229.260.877	3.181.723.896	-	28.467.818.094
Tại ngày 31/12/2007	**3.813.267.408**	**2.887.209.759**	**292.072.556**	**361.245.465**	**7.353.795.188**

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.895.108.069 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định thế chấp cho các khoản vay ngân hàng: 467.574.727 đồng.

b. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm kế toán*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Tại ngày 1/1/2007	-	324.951.590	324.951.590
Mua sắm mới	-	542.844.805	542.844.805
Tăng do hợp nhất		14.000.000	14.000.000
Tăng từ TSCĐ hữu hình	11.516.569.200 (*)	102.969.485	11.619.538.685
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2007	**11.516.569.200**	**984.765.880**	**12.501.335.080**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1/1/2007	-	180.528.660	180.528.660
Khấu hao trong năm	-	248.476.424	248.476.424
Tăng do hợp nhất	-	5.600.000	5.600.000
Tăng từ TSCĐ hữu hình	-	102.969.485	102.969.485
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2007	**-**	**537.574.569**	**537.574.569**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1/1/2007	-	144.422.930	144.422.930
Tại ngày 31/12/2007	**11.516.569.200**	**447.191.311**	**11.963.760.511**

(*) Quyền sử dụng đất nhà số 208 – 210 Khánh Hội, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh được tách ra từ giá trị tài sản cố định hữu hình (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc) căn cứ vào Báo cáo thẩm định số 2807/HDTD/HQ ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Công ty TNHH Thẩm Định Giá Hoàng Quân.

Nguyên giá tài sản cố định thế chấp cho các khoản vay ngân hàng: 11.516.569.200 đồng.

5.6. Đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào CTCP Giải pháp Quản lý Tích hợp Sao Bắc Đẩu với số tiền 1.224.000.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ.

b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Cuối năm	Tỷ lệ
CTCP Dịch vụ Dữ liệu Công nghệ thông tin ViNa	9.000.000.000	30 %
CT TNHH Giải pháp kinh doanh Sao Bắc Đẩu	980.000.000	49 %
CTCP Skill Group	224.420.000	35 %
Tổng cộng	**10.204.420.000**	

c. Đầu tư khác

Là khoản đầu tư của Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo Netpro vào CTCP Skill Group, giá trị đầu tư là 70.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.

5.7. Vay

a. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	46.419.951.018	27.341.503.807
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.407.407.407	-
Tổng cộng	**47.827.358.425**	**27.341.503.807**

Vay ngắn hạn tại các ngân hàng sau:

		31/12/2007
Ngân hàng TMCP Quốc tế-CN Hồ Chí Minh (VIB)	(*)	38.223.316.871
Ngân hàng HSBC	(**)	7.467.634.147
Vay các cá nhân		729.000.000
Tổng cộng		**46.419.951.018**

(*) Tương đương 1.106.985,48 USD và 20.494.944.409 đồng, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng: 0114/HĐTD2-VIB625/07 ngày 14/11/2007.
- Tổng hạn mức: 4.500.000,00 USD.
- Thời hạn: 12 tháng.
- Lãi suất: 0.96%/tháng (vay bằng VND) và 0,65%/tháng (vay bằng USD).
- Tài sản đảm bảo:

  + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 74/1A Hai Bà Trưng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

  + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 34 Đặng Dung, Quận 1.

(**) Tương đương 337.430,28 USD và 2.063.688.213 đồng, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 070167 ngày 18/5/2007.
- Tổng hạn mức: 16.000.000.000 VND.
- Thời hạn: 12 tháng.
- Lãi suất: 0.83%/tháng (vay bằng VND) và 0,53%/tháng (vay bằng USD).
- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 208–210 Khánh Hội, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Vay dài hạn

	Cuối năm	*Đầu năm*
Các khoản vay dài hạn	8.092.592.592	9.500.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(1.407.407.407)	-
Tổng cộng	**6.685.185.185**	**9.500.000.000**

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng HSBC – Thành phố Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay số: VNM CDT 060255 ngày 3/8/2006.
- Mục đích vay: mua trụ sở Công ty số 208 – 210 Khánh Hội, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Thời hạn vay: 78 tháng (từ ngày 7/8/2006 đến ngày 7/8/2013).
- Lãi suất: 0,95%/tháng.
- Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	*Đầu năm*
Thuế giá trị gia tăng	1.012.750.626	487.311.743
Thuế nhập khẩu	119.015.461	56.949.457
Thuế thu nhập doanh nghiệp	931.533.767	515.849.600
Thuế thu nhập cá nhân	313.784.256	15.565.692
Tổng cộng	**2.377.084.110**	**1.075.676.492**

5.9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	*Đầu năm*
Phải trả người bán (chưa có hóa đơn)	1.126.627.730	-
Bảo hiểm XH, BHYT và KPCĐ	144.164.086	127.732.527
Doanh thu nhận trước	-	407.490.404
Phải trả khác	-	1.212.308.248
Tổng cộng	**1.270.791.816**	**1.747.531.179**

5.10. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận sau thuế chưa pp*	*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*	*Cộng*	*Vốn chủ sở hữu thuộc về lợi ích cổ đông thiểu số*	*Tổng cộng*
Tại ngày 1/1/2006	**14.216.939.129**			**200.000.000**	**1.382.314.621**	**43.368.553**	**15.842.622.303**		**15.842.622.303**
Vốn tăng trong năm	3.303.060.871						3.303.060.871		3.303.060.871
Bổ sung vốn trong năm	480.000.000				(480.000.000)		-		-
Lợi nhuận trong năm					2.388.418.228		2.388.418.228		2.388.418.228
Chia cổ tức					(902.314.621)		(902.314.621)		(902.314.621)
Trích lập quỹ			349.878.228	120.000.000	(589.878.228)		(120.000.000)		(120.000.000)
Sử dụng quỹ				(190.711.223)		(44.366.553)	(235.077.776)		(235.077.776)
Khác							-		-
Tại ngày 31/12/2006	**18.000.000.000**	**-**	**349.878.228**	**129.288.777**	**1.798.540.000**	**(998.000)**	**20.276.709.005**	**-**	**20.276.709.005**
LN đầu kỳ của các Công ty con					(156.621.497)		(156.621.497)		(156.621.497)
Vốn tăng trong năm	19.563.790.000	7.960.553.900					27.524.343.900	110.000.000	27.634.343.900
Bổ sung vốn trong năm							-		-
Lợi nhuận trong năm					3.988.775.988		3.988.775.988		3.988.775.988
Chia cổ tức					(1.419.900.000)		(1.419.900.000)		(1.419.900.000)
Trích lập quỹ							-		-
Sử dụng quỹ				(35.868.900)		(4.074.000)	(39.942.900)		(39.942.900)
Lỗ từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số					(5.149.638)		(5.149.638)	5.149.638	-
Khác					(15.135.284)	5.072.000	(10.063.284)		(10.063.284)
Tại ngày 31/12/2007	**37.563.790.000**	**7.960.553.900**	**349.878.228**	**93.419.877**	**4.190.509.569**	**-**	**50.158.151.574**	**115.149.638**	**50.273.301.212**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	*Giá trị*		*Tỷ lệ*	
	Cuối năm	*Đầu năm*	*Cuối năm*	*Đầu năm*
Cổ đông sáng lập	19.367.500.000	18.000.000.000	51,56%	100,00%
Cổ đông khác	18.196.290.000	-	48,44%	-
Tổng cộng	**37.563.790.000**	**18.000.000.000**	**100.00%**	**100.00%**

c. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán

- Cổ phiếu phổ thông 1.419.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi -

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận -

Là cổ tức năm 2006 được chia với tỷ lệ 10% tính trên vốn chủ sở hữu.

d. Cổ phiếu

	Cuối năm	*Đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**3.756.379**	**1.800.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	3.756.379	1.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	3.756.379	1.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông Tập đoàn. Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.

e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn	3.983.626.350	2.388.418.238
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.603.975	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	**1.530**	**1.327**

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Chi phí tài chính

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	4.218.621.898	2.076.574.668
Lỗ chênh lệch tỷ giá	437.017.041	23.793.592
Tổng cộng	**4.655.638.939**	**2.100.368.260**

6.2. Chi phí bán hàng

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lương nhân viên	8.147.084.194	2.586.364.625
Chi phí vật liệu bao bì	21.673.600	
Chi phí công cụ dụng cụ	289.454.344	143.280.605
Chi phí đào tạo	-	37.695.994
Chi phí thuê giảng viên	28.900.000	
Chi phí khấu hao	172.920.045	-
Chi phí bảo hành	212.070.887	134.686.968
Chi phí đi lại	23.403.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	465.141.567	145.660.434
Chi phí Pre – Sale	1.875.051.120	2.049.996.901
Chi phí thưởng doanh số bán hàng	392.411.808	
Chi phí bằng tiền khác	4.020.491.241	1.938.512.159
Tổng cộng	**15.648.601.806**	**7.036.197.686**

6.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	7.312.377.687	4.717.447.123
Chi phí công cụ quản lý	1.062.589.845	798.888.004
Chi phí đồ dung VP	356.038.077	-
Chi phí đào tạo	-	1.308.897.882
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.529.002.450	1.992.126.607
Chi phí thuế, phí, lệ phí	7.775.200	-
Chi phí chuyển tiền	55.967.766	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.288.947.618	1.515.484.301
Chi phí bằng tiền khác	2.125.062.473	620.003.608
Tổng cộng	**15.737.761.116**	**10.952.847.525**

6.4. Thu nhập khác

	Năm nay	*Năm trước*
Thanh lý tài sản cố định	2.629.702.822	2.500.115.797
Thưởng từ Công ty Cisco	1.223.796.214	-
Thu nhập khác	232.674.980	631.409.792
Tổng cộng	**4.086.174.016**	**3.131.525.589**

6.5. Chi phí khác

	Năm nay	*Năm trước*
Thanh lý tài sản cố định	4.038.782.896	2.659.411.212
Chi phí khác	274.397	47.742.195
Tổng cộng	**4.039.057.293**	**2.707.153.407**

6.6. Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**5.585.340.499**	**3.317.247.539**
Các khoản điều chỉnh		
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	**5.585.340.499**	**3.317.247.539**
Thuế suất	28%	28%
Thuế TNDN năm 2007 phải nộp	(1.563.895.340)	(928.829.311)
Thuế TNDN năm 2006 phải nộp bổ sung	(32.669.171)	-
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	(1.596.564.511)	(928.829.311)
Thuế TNDN hoãn lại	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**3.988.775.988**	**2.388.418.228**

Các khoản mục thuế thể hiện trên bảng báo cáo tài chính năm 2007 là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Số liệu chính thức sẽ được điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế của cơ quan thuế.

7. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Tiền lương Ban Tổng Giám Đốc

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, tiền lương của Ban Tổng Giám Đốc Công ty như sau:

	Năm nay
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc	2.032.113.509

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện nào quan trọng sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 5 tháng 4 năm 2008.

Ngày 5 tháng 4 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
HỒ THỊ HỒNG HẠNH	TRẦN ANH TUẤN